

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CẤP VÙNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ KINH NGHIỆM CHO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN HẢI HỒ*

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng và lợi thế về nguồn lực, liên kết với các vùng khác để phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới về biến đổi khí hậu, sự phát triển về khoa học, sự thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, kéo theo sự thay đổi sâu sắc về tập quán, phân tầng xã hội..., cùng với đó, là thực hiện chính quyền địa phương hai cấp cũng làm thay đổi mạnh mẽ các nguyên lý về quản lý phát triển vùng. Do vậy, cần có những nghiên cứu về quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở một số quốc gia, kết hợp những giá trị thực tiễn để đề xuất một số giải pháp phù hợp về chính sách phát triển đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long; chính sách phát triển xã hội cấp vùng; kinh nghiệm quốc tế; chính quyền địa phương hai cấp.

The Mekong Delta, a region with significant potential and advantages in resources, maintains linkages with other regions to promote socio-economic development. However, in the new context of climate change, scientific advancement, and transformations in agricultural practices - accompanied by profound changes in social customs and stratification - together with the implementation of the two-tier local government model, the fundamental principles of regional development management are undergoing substantial change. Therefore, it is necessary to conduct studies on regional social development management in selected countries and integrate practical values in order to propose appropriate policy solutions for the development of the Mekong Delta region.

Keywords: Mekong Delta; regional social development policy; international experience; two-tier local government.

NGÀY NHẬN: 23/11/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/01/2026 NGÀY DUYỆT: 13/02/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.361.2026.1434>

1. Đặt vấn đề

Quản lý phát triển xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long không phải là vấn đề mới nhưng trong bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính trong vùng và triển khai thực hiện

mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì cần

* TS, Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

nguyên cứu chuyên sâu các luận thuyết khoa học để có quan niệm, cách thức, phương pháp quản lý phát triển xã hội phù hợp đối với phạm vi, thể chế, chính sách, pháp luật áp dụng cho các địa phương của vùng.

Mặt khác, do không có chính quyền cùng cấp (cấp vùng) nên các địa phương trong vùng chủ yếu liên kết với nhau để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ban hành một số văn bản có tầm chiến lược, như: Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quản lý phát triển xã hội của vùng vẫn thiếu hành lang pháp lý, chưa có các chính sách quản lý đặc thù. Thực tiễn này cho thấy, vai trò, vị thế của vùng không thể phát huy đầy đủ nếu thiếu cơ chế, chính sách phù hợp với hình thái lãnh thổ, kết cấu dân cư, bản sắc văn hóa, chức năng vùng... Do vậy, Việt Nam cần nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, trên cơ sở đó, bổ sung cơ chế, chính sách theo quan điểm quản lý phát triển xã hội, tăng cường vai trò chính quyền trung ương trong việc ban hành thể chế, tạo hành lang pháp lý, thực hiện vai trò chỉ đạo ở tầm vĩ mô, trong đó theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”¹ để thực hiện liên kết vùng; bảo đảm vai trò trách nhiệm bộ phận của vùng, tham gia quản lý vùng.

2. Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở một số quốc gia

2.1. Các quốc gia Đông Nam Á

Hiện nay, các quốc gia Đông Nam Á thường quan niệm quản lý phát triển xã hội cấp vùng có trọng tâm quản lý 4 lĩnh vực liên quan đến an sinh xã hội, đó là: *bảo hiểm; lao*

động việc làm; thu nhập, phúc lợi xã hội và trợ giúp xã hội. Nghiên cứu chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở Philippines và Thái Lan có tính chiến lược điển hình và trọng tâm cho các quốc gia Đông Nam Á.

(1) Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở Philippines: được chia thành 17 vùng hành chính để thuận lợi cho công tác quy hoạch phát triển vùng, theo đó, các bộ, ngành của trung ương mở một văn phòng tại một thành phố ở vùng phát triển để tác nghiệp và được gọi không chính thức là thủ phủ vùng². Về cơ cấu vùng có hai loại: vùng có nhiều tỉnh, thành phố: không phải là một cấp hành chính nên không có chính quyền cùng cấp (gồm 16 vùng); vùng Thủ đô Manila: duy nhất là vùng có chính quyền cùng cấp vì tự bản thân Manila là một vùng và Khu tự trị Hồi giáo Mindanao (gồm 16 thành phố đô thị hóa cao trực thuộc và 1 huyện). Vùng này có Hội đồng vùng, bao gồm các thành viên là đại diện từ các thành phố, Chủ tịch Hội đồng vùng do Tổng thống bổ nhiệm, còn các thành viên do người dân bầu ra, thực hiện việc giám sát các chương trình của địa phương và chất lượng của các dịch vụ trong vùng³.

Chiến lược quản lý phát triển xã hội của vùng là thực hiện chính sách quản lý phát triển xã hội bằng việc tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế, an sinh xã hội, như: trực tiếp cung cấp vốn tiền mặt cho người nghèo với các điều kiện kèm theo nhằm xóa đói, giảm nghèo; bảo đảm tương đối về mức độ cung cấp dịch vụ y tế và giáo dục cơ bản cho hầu hết người dân; áp dụng phương pháp tiếp cận phát triển dựa vào cộng đồng để mọi thành viên có thể tham gia và góp sức vào quá trình phát triển và quản lý phát triển xã hội; thực hiện các chương trình bảo trợ xã hội cho các đối tượng và khu vực ưu tiên. Điển hình là người dân sống ở các vùng nông thôn hẻo lánh hoặc các khu đô thị đông đúc với nguồn lực tài chính hạn chế thì được hưởng chính

sách tín dụng vi mô bằng cách cung cấp các giải pháp tài chính phù hợp (ví dụ: vốn tiền mặt để thực hiện việc phát triển kinh tế gia đình như chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh nhỏ lẻ)⁴. Việc tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đã giúp giảm tỷ lệ đói nghèo từ 26,6% (năm 2006) xuống còn 21,6% (năm 2015)⁵; theo đó, người dân của các vùng được bảo đảm tương đối về mức độ cung cấp dịch vụ y tế, Bộ Y tế thực hiện phân bổ thêm các nguồn quỹ cho công ty bảo hiểm y tế từ nhiều nguồn và chịu trách nhiệm thanh toán cho các nhà cung cấp y tế (bệnh viện, phòng khám, chữa bệnh) với những dịch vụ mà họ cung cấp, từ năm 2015 đến nay, 100% người dân trong vùng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế.

(2) Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng của Thái Lan: được phân chia thành 6 vùng địa lý, đó là: vùng phía Bắc, Đông Bắc, miền Trung, miền phía Đông, miền Tây và miền Nam. Các vùng khác nhau về dân số, các nguồn lực cơ bản, đặc điểm tự nhiên và mức độ phát triển kinh tế - xã hội⁶. Để các vùng phát triển đồng đều, Thái Lan đưa ra chính sách quản lý phát triển xã hội bằng việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xác định kết hợp phát triển con người và phát triển cân bằng về kinh tế - xã hội, chính trị và môi trường; xây dựng hạnh phúc cho mọi người; tự lực và theo kịp thực tế toàn cầu đang thay đổi; duy trì và bảo vệ được bản sắc văn hóa dân tộc. Do vậy, chính sách quản lý phát triển xã hội ở 6 vùng đều phải thực hiện tốt việc tái cấu trúc phát triển đô thị, thiết lập quản trị tốt, tái cơ cấu kinh tế thông qua quản lý kinh tế vi mô, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia và phát triển khoa học - công nghệ.

Theo định hướng này, 6 vùng của Thái Lan đều triển khai thực hiện đồng bộ hóa các chương trình, biện pháp bảo đảm an sinh xã hội, ưu tiên giải quyết các vấn đề cốt yếu cho cuộc sống người dân tại các tỉnh trong vùng, như: bảo đảm các nhu cầu thiết yếu về lương

thực phẩm, y tế, giáo dục... đã tạo nên một mạng lưới an sinh xã hội thiết thực, có hiệu quả. Cụ thể: năm 2010, kinh tế Thái Lan tăng trưởng cao nhất đạt 7,9% so với -2,33% năm 2008, năm 2010, số người thất nghiệp giảm đáng kể, từ trên 2 triệu người giảm còn 343.000 người; xuất khẩu 2010 đạt 17,7 tỷ USD, tăng gần 7 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2008⁷.

2.2. Một số quốc gia châu Âu

Các quốc gia châu Âu chủ yếu thực hiện chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng theo xu hướng tự do của nền kinh tế thị trường. Các chính sách này tập trung vào đúng các đối tượng, tránh tràn lan, tránh y lại vào Nhà nước, thúc đẩy các vùng phát triển hài hòa các chính sách, bảo đảm tính hệ thống của an sinh xã hội và quản lý phát triển xã hội hiệu quả, nhất là ở Anh và Đức - có tính đại diện điển hình và trọng tâm cho các quốc gia châu Âu.

(1) Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở Vương quốc Anh: hiện có 21 vùng hành chính, gồm: Anh có 9 vùng, Scotland có 10 vùng, toàn bộ Bắc Ireland là một vùng và toàn bộ xứ Wales là 1 vùng. Vùng hành chính là cấp đơn vị hành chính địa phương cao nhất ở Anh⁸.

Những năm qua, nước Anh thành công nhờ phát triển mô hình tự do Anglo - Saxon theo định hướng vùng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh và tăng tính năng động của xã hội. Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng của nước này đã dịch chuyển từ hình thức “an sinh cho tất cả” sang “an sinh cho những người yếu thế”, hướng vào những đối tượng đủ tiêu chuẩn hưởng chế độ trợ cấp xã hội trong phạm vi vùng đó; hướng vào đúng mục tiêu đối tượng cần cứu trợ và mức độ cứu trợ này chỉ là mang tính chất tối thiểu và giới hạn trong phạm vi từng vùng. Do vậy, các tiêu chí chính sách phát triển xã hội không bị trùng lặp giữa vùng này với vùng khác trong quốc gia này.

Với chính sách nêu trên, nước Anh đã trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trên thế giới tính theo tổng sản phẩm quốc nội danh nghĩa (GDP) và lớn thứ 9 tính theo sức mua tương đương (PPP) và xếp thứ 21 về GDP bình quân đầu người, GDP của Vương quốc Anh chiếm 3,3% tổng GDP thế giới. Đây là nền kinh tế có tính toàn cầu hóa cao nhất: năm 2019, là nước xuất khẩu và nhập khẩu lớn thứ năm trên thế giới; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn thứ ba và đầu tư FDI ra nước ngoài lớn thứ năm; năm 2020, hoạt động thương mại giữa Anh với 27 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu (EU) chiếm 49% tổng kim ngạch xuất khẩu và 52% tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này⁹.

(2) Chính sách quản lý phát triển xã hội cấp vùng ở CHLB Đức: vùng hành chính Đức là cấp bậc hành chính trên các huyện, thành phố độc lập và dưới bang, đứng đầu là chủ tịch chính quyền. Chính sách quản lý phát triển xã hội ở các vùng hành chính này có sự phân cấp mạnh mẽ cho các tổ chức xã hội tham gia¹⁰. Do vậy, hệ thống phúc lợi và bảo hiểm xã hội tạo ra một sự tham gia đồng đẳng của các nhóm xã hội, đặc biệt là tầng lớp người nghèo, đấu tranh chống những nguyên nhân và tác động của sự khác biệt và kỳ thị kinh tế - xã hội; tăng cường và tạo ra các động lực của sự phát triển, giúp đỡ các công dân bảo vệ quyền sở hữu tài sản và nâng cao ý thức về sự phát triển chung của xã hội. Theo đó, cải thiện tình hình kinh tế - xã hội, đặc biệt là điều kiện sống cho các tầng lớp bị thiệt thòi trong xã hội. Chính sách xã hội có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp tư nhân, tổ chức thương mại, các đoàn thể, tổ chức phi chính phủ và thậm chí của các tổ chức tôn giáo như nhà thờ¹¹.

Tuy nhiên, các chính sách này cũng gây ra sự thụ động của người lao động do trông chờ vào chính sách hỗ trợ của chính quyền vùng, Chính phủ bang và Liên bang.

3. Thực tiễn vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trước khi sáp nhập, vùng có 13 tỉnh, thành phố với khoảng 150 đơn vị cấp huyện, hơn 1.000 đơn vị hành chính cấp xã, gần 10 triệu hộ nông dân¹². Hiện nay, sau khi thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII), vùng gồm 5 tỉnh, thành phố (thành phố Cần Thơ, An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Vĩnh Long).

Vùng có tốc độ phát triển tương đối nhanh về kinh tế¹⁴ nhưng lại phát sinh nhiều vấn đề về an sinh xã hội, môi trường (ô nhiễm, hạn hán, xâm mặn...), chính sách phát triển kinh tế - xã hội..., chưa liên kết các địa phương trong vùng để tạo thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Yêu cầu phải định hình chiến lược và chính sách quản lý phát triển xã hội tổng thể, gắn với xây dựng mô hình quản lý vùng theo hướng hiện đại nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW.

Hiện nay, các vấn đề mà vùng đối diện là bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội; hệ thống dịch vụ xã hội (dịch vụ công, dịch vụ công cộng và các loại dịch vụ khác của cộng đồng); kiểm soát xung đột chính sách, quan điểm về xung đột công nghiệp với nông nghiệp (phong trào mỗi tỉnh là một nền kinh tế) với sự biến đổi khí hậu tác động lên nhiều mặt đời sống dân cư trong vùng. Các vấn đề này đang phát sinh với tốc độ, quy mô nhanh, diễn biến phức tạp, tương tác giữa các vấn đề xã hội đa chiều hơn.

Mặc dù phạm vi từng tỉnh, thành phố rộng hơn do được sáp nhập nhưng thực trạng về chính sách quản lý phát triển xã hội trong vùng còn bất cập, các mô hình quản trị địa phương, quản trị vùng chưa định hình rõ để bảo đảm các đặc trưng khác biệt với quản lý phát triển xã hội các vùng và địa phương khác.

Cơ chế, cách thức quản lý vận hành theo quán tính, chưa tương thích với mô hình tổ chức bộ máy và mô hình tổ chức không gian vùng; chưa thực sự cho phép

người dân tham gia vào quản lý phát triển xã hội, thiếu mô hình và cơ chế cụ thể; cách thức, mô hình quản lý còn nặng tính cục bộ tỉnh, thành phố; thiếu sự liên kết với các vùng, sự liên kết các tỉnh, thành phố trong nội bộ vùng¹³.

4. Một số giải pháp

Thứ nhất, xây dựng chiến lược, chính sách trọng điểm quản lý phát triển xã hội của vùng. Từ kinh nghiệm của Philippines, Thái Lan, Vương quốc Anh và CHLB Đức về cốt lõi của chiến lược vùng, như: (1) Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm: xây dựng và bảo đảm tính liên kết hạ tầng giao thông vùng; loại bỏ tính cục bộ của các chính sách kinh tế - xã hội từng tỉnh, thành phố, bảo đảm tính thống nhất, hỗ trợ phát triển mang tính vùng (hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp làm khu công nghiệp; chuyển đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản...); (2) Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội, như: đói nghèo, thiếu việc làm... bằng việc xây dựng nông thôn mới đúng bản chất: đầu tư cho đất nông nghiệp, khoa học - kỹ thuật canh tác cho người nông dân...; (3) Thực hiện các chính sách trọng điểm để giải quyết các vấn đề về đời sống an sinh xã hội có liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu, như: xây dựng các hồ chứa nước ngọt nhân tạo để giảm thiểu tác động của kênh Funam Techo, xâm mặn...; (4) Thực hiện trồng các loại cây phù hợp với xâm mặn; nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ...; hỗ trợ về giống, vật nuôi, cây trồng, tài chính, kỹ thuật và nhân lực cho các tỉnh trong vùng bị biến đổi khí hậu, ô nhiễm, xâm mặn, hạn hán...; (5) Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội của vùng, như: tạo tính liên kết các địa phương trong vùng để hạn chế tính cục bộ trong quản lý phát triển (tăng tính chia sẻ kinh nghiệm quản lý, các mô hình quản lý tiên tiến; cách thức vận hành và quản lý ưu việt...); (6) Đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với bản sắc văn hóa vùng của người Tây Nam Bộ; (7) Xây dựng các

động lực phát triển mới, như: cách thức xác định kinh tế mũi nhọn, các chính sách thí điểm đặc trưng về cơ chế quản lý vùng...

Thứ hai, triển khai các chính sách cụ thể có thể tác động trực tiếp, tạo ra hiệu quả cho đời sống an sinh xã hội, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng. Trong thời gian tới, phải hướng đến mục tiêu giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với hoàn thiện hạ tầng giao thông, bảo vệ môi trường; bảo đảm nhu cầu thiết yếu về an sinh, giáo dục, y tế, vui chơi giải trí...; tạo cơ chế thúc đẩy phát triển giữa tỉnh, thành phố trong vùng; bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với công bằng xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Thứ ba, thu hút sự tham gia của các tổ chức xã hội và người dân trong quản lý phát triển xã hội của vùng và cũng là vùng có các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội đang ở mức thấp nhất cả nước. Do vậy, cần có cơ chế khuyến khích tất cả nguồn lực xã hội tham gia vào phát triển vùng, như: thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các nhóm xã hội và Nhà nước; tăng cường hợp tác công - tư trong quản lý phát triển xã hội vùng. Theo đó, phải thực sự thúc đẩy vai trò của tư nhân trong phát triển xã hội vùng, tạo ra sự cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ công, tạo động lực cho người dân trong việc tự chủ về phát triển kinh tế - xã hội nhưng có sự hỗ trợ từ Nhà nước, tránh sự ỷ lại, phụ thuộc vào Nhà nước (học tập từ chính sách của Vương quốc Anh) và nâng cao hiệu quả khi áp dụng hợp tác công - tư trong quản lý phát triển xã hội vùng. Chính quyền các tỉnh, thành phố trong vùng cần đưa vào các nội dung cụ thể khuôn khổ thể chế, pháp lý địa phương; quản lý, kiểm soát, thông tin, tham vấn từ chính quyền địa phương với tư nhân và ngược lại bằng cơ chế liên kết chéo.

Thứ tư, kiện toàn các thiết chế quản lý xã hội, cung ứng dịch vụ công. Giải pháp đầu

tiên và quan trọng nhất để kiện toàn các thiết chế quản lý xã hội, cung ứng dịch vụ công là xây dựng thể chế bảo đảm cho sự phát triển của các thiết chế quản lý xã hội. Cần phân cấp cụ thể các nhiệm vụ quản lý xã hội, cung cấp dịch vụ công thuần túy và dịch vụ công không thuần túy giữa chính quyền các cấp chính quyền địa phương trong vùng với các thiết chế xã hội khác để bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ năm, đẩy mạnh các chính sách cải thiện an sinh xã hội và bảo vệ môi trường trong quản lý phát triển. Các chính sách, như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo trợ xã hội phải đến được với người dân nghèo trong vùng; triển khai các chương trình hỗ trợ đặc thù cho các nhóm dân cư yếu thế, cải thiện điều kiện sống, tiếp cận giáo dục và chăm sóc y tế; đẩy mạnh các chính sách bảo vệ môi trường, như: giảm thiểu ô nhiễm, nước thải, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, xâm mặn...

Thứ sáu, xây dựng các cơ chế quản lý vùng trên cơ sở hệ thống chính quyền địa phương hai cấp trong vùng thiết lập được cơ chế chặt chẽ, minh bạch và công khai, tăng cường tính trách nhiệm, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực thi chính sách của vùng; nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý địa phương, đặc biệt là về khả năng hoạch định, triển khai và giám sát các chương trình quản lý phát triển có liên quan đến an sinh xã hội, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng.

Thứ bảy, xây dựng mục tiêu chiến lược và xác định được các định hướng phát triển cơ bản của vùng. Trên cơ sở tham vấn kinh nghiệm quốc tế, các vùng khác trong nước, cần thiết lập ngay các mục tiêu chiến lược, mục tiêu cụ thể của vùng bảo đảm tính khả thi, tính hiệu quả. Đồng thời, chú trọng kết hợp các giải pháp đồng bộ để bảo đảm thực hiện tốt việc phát triển tiềm năng của con người và bảo vệ xã hội, tái cấu trúc phát triển vùng kết hợp với quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; quản trị địa phương

từng tỉnh có sự liên kết với vùng; tái cơ cấu kinh tế thông qua quản lý kinh tế vĩ mô, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng và phát triển khoa học - công nghệ. Các tỉnh, thành phố sau khi được sáp nhập, có phạm vi địa bàn rộng nhưng chỉ được xem là bộ phận của vùng, cần thực hiện các quyết sách địa phương trong mối liên hệ chặt chẽ, có sự trao đổi, thống nhất về chính sách, thể chế, chiến lược nhằm bảo đảm quản lý phát triển bao quát cả vùng □

Chú thích:

1. *Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.* <https://baochinhphu.vn>, ngày 04/5/2025.

2, 3. *Tổ chức chính quyền địa phương và xác lập đơn vị hành chính ở Cộng hòa Philippin.* <https://isos.gov.vn>, ngày 11/10/2012.

4. *Tín dụng vi mô tại Philippines: Cách thức hoạt động và tác động đến hoạt động từ thiện.* <https://cafamerica.org>, truy cập ngày 16/01/2026.

5. *The Philippines can overcome poverty.* <https://www.worldbank.org>, truy cập ngày 16/01/2026.

6. *Địa hình và 6 vùng địa lý của Thái Lan.* <https://www.tourthailand.net.vn>, ngày 04/5/2019.

7. *Thái Lan thành công trong chính sách kinh tế và xã hội.* <https://vov.vn>, ngày 27/12/2010.

8. *Vùng hành chính (Anh quốc).* <https://vi.wikipedia.org>, truy cập ngày 16/01/2026.

9. *Kinh tế Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland.* <https://vi.wikipedia.org>, truy cập ngày 16/01/2026.

10. *Baden-Württemberg.* <https://vi.wikipedia.org>, truy cập ngày 16/01/2026.

11. *Mô hình an sinh xã hội và pháp quyền phúc lợi xã hội Đức - Ưu điểm, hạn chế và những giá trị tham chiếu đối với Việt Nam.* <https://tapchivietduc.vn>, ngày 01/11/2023.

12. Lê Minh Hoan (2022). *Báo cáo tái cơ cấu nông nghiệp và đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2022 - 2030.* Hội nghị công bố "Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, ngày 21/6/2022.

13. *Thực trạng và giải pháp đưa đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững.* <https://baodongkhoei.vn>, ngày 19/6/2023.